**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HƯNG HÀ**
**TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 08-4-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Bích Thủy
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Tống Xuân Tú
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

***Thư ký phiên tòa***: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn***: Chị Phan Thị H, sinh năm 1997 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Xóm 10, thôn Q, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
Nơi ở hiện nay: Xóm 5, thôn M, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

***2. Bị đơn***: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm 10, thôn Q, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
Nơi ở hiện nay: Tổ 31, khu phố 4A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân T kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 30-11-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 02 năm 2019, đôi bên nhiều lần đã tìm cách khắc phục nhưng không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn đề nghị ngày 23-02-2021, anh Lê Xuân T trình bày:*

Anh và chị Phan Thị H kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 30-11-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện anh ở xa, công việc bận nên anh không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa ly hôn giữa anh và chị H được, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Xuân T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị H kết hôn với anh Lê Xuân T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 30-11-2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Xét thấy chị H và anh T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T không có con chung nên không đặt ra

yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yều cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

*1. Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa Phan Thị H và anh Lê Xuân T.

*2. Về nuôi con chung:* Không có.

*3. Về chia tài sản chung:* Không giải quyết.

*4.Về án phí:* Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006320 ngày 22-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (chị H đã nộp đủ).

*5.Về quyền kháng cáo:* Chị Phan Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Bích Thủy**